

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Mắt Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm thiết bị y tế phục vụ khám, chữa bệnh năm 2025 tại Bệnh viện Mắt Nghệ An với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Mắt Nghệ An – Xóm 10, xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Trần Văn Đức – Khoa Dược-Vật tư.

SĐT: 0911.44.2686.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ:

Trần Văn Đức – Khoa Dược-Vật tư, Bệnh viện Mắt Nghệ An.

Xóm 10 - Xã Nghi Phú - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An.

SĐT: 0911.44.2686.

- Hoặc qua email: dauthau.bvmatnghean@gmail.com.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: từ ngày 10/12/2024 đến hết ngày 20/12/2024.

Các báo giá nhận được ngoài thời gian nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 03 tháng.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị y tế:

| TT | Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|-----------------------------|--|-------------|----------|
| 1 | Máy chụp ảnh màu đáy mắt | Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo | Máy | 01 |
| 2 | Kính hiển vi phẫu thuật mắt | Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo | Máy | 01 |

| TT | Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng |
|---------------------------|-------------------------------|--|-------------|----------|
| 3 | Máy chụp cắt lớp võng mạc OCT | Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo | Máy | 01 |
| 4 | Siêu âm mắt (siêu âm A-B) | Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo | Bộ | 01 |
| Tổng: 04 thiết bị. | | | | |

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Mắt Nghệ An – Xóm 10, xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An;

Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

4. Tạm ứng: Không áp dụng;

Thanh toán hợp đồng: trong vòng 90 ngày kể từ khi hai bên tiến hành nghiệm thu và nhà thầu cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ thanh toán theo Luật định.

5. Các thông tin khác:

- Mẫu báo giá theo Phụ lục 2 kèm theo.

- Nhà cung cấp gửi kèm:

+ Bảng đáp ứng Yêu cầu kỹ thuật (bản ký đóng dấu và bản Excel), trong đó so sánh Yêu cầu kỹ thuật cơ bản Bệnh viện yêu cầu so với Cấu hình kỹ thuật của sản phẩm chào giá;

+ Các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng website BV;
- Lưu VT, KDVT.

GIÁM ĐỐC



Trần Tất Thắng

PHỤ LỤC 1. BẢNG MÔ TẢ

Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản và các thông tin liên quan
(Kèm theo Công văn số 672 /BVM-KDVT ngày 09 /12/2024 của Bệnh viện
Mắt Nghệ An)

| TT | Danh mục, yêu cầu kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|----------|--|-------------|-----------|---------|
| I | Máy chụp ảnh màu đáy mắt | Máy | 01 | |
| | 1. Thông tin chung | | | |
| | - Năm sản xuất: từ năm 2024 trở về sau | | | |
| | - Chất lượng thiết bị: Mới 100% | | | |
| | - Nhà sản xuất phải đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485 | | | |
| | - Điện nguồn sử dụng: tương thích nguồn điện sử dụng tại Việt Nam | | | |
| | - Điều kiện làm việc: + Nhiệt độ tối đa có thể hoạt động: $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa có thể hoạt động: $\geq 80\%$ | | | |
| | - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng | | | |
| | 2. Cấu hình cung cấp | | | |
| | - Máy chính: 01 cái | | | |
| | - Tỳ cầm: 01 cái | | | |
| | - Dây cáp nguồn: 01 cái | | | |
| | - Cáp USB: 01 cái | | | |
| | - Máy tính: 01 bộ | | | |
| | - Máy in màu: 01 cái | | | |
| | - Bàn kê máy điều khiển nâng hạ bằng motor điện: 01 cái | | | |
| | - Phần mềm trí tuệ nhân tạo chẩn đoán các tổn thương võng mạc do bệnh đái tháo đường kèm theo; hạn dùng: ≥ 24 tháng | | | |
| | - Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ | | | |
| | 3. Cấu hình kỹ thuật | | | |
| | a) Máy chính: | | | |
| | - Có hệ thống tự động 3D tìm, lấy nét và chụp ảnh đáy mắt | | | |
| | - Có khả năng chụp hình ảnh độ phân giải ≥ 12 megapixels | | | |
| | - Cho phép chụp ít nhất 10 vị trí trên võng mạc, bao | | | |

| TT | Danh mục, yêu cầu kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|----|---|-------------|----------|---------|
| | gồm võng mạc trung tâm và võng mạc chu biên | | | |
| | - Cho phép ghép các ảnh võng mạc tại các vị trí khác nhau để tạo thành hình ảnh võng mạc tổng thể | | | |
| | - Không yêu cầu nhỏ giãn đồng tử | | | |
| | - Có tích hợp hệ thống camera kỹ thuật số | | | |
| | - Có tích hợp bộ lọc hình ảnh kỹ thuật số | | | |
| | - Có tích hợp ít nhất 2 định dạng hình ảnh: JPEG, PNG | | | |
| | - Có khả năng chụp ảnh võng mạc trung tâm $\geq 45^\circ$ | | | |
| | - Kích thước đồng tử nhỏ nhất cho phép chụp $\leq 4\text{mm}$ | | | |
| | - Cường độ đèn Flash ít nhất 10 mức độ, có thể tùy chỉnh | | | |
| | - Nguồn sáng: + Nguồn quan sát: Ánh sáng LED hồng ngoại; + Nguồn sáng flash: LED trắng | | | |
| | - Chế độ ghép ảnh có thể ghép ≥ 3 ảnh | | | |
| | b) Phần mềm trí tuệ nhân tạo chẩn đoán các tổn thương võng mạc do bệnh đái tháo đường | | | |
| | - Giúp phân tích hình ảnh võng mạc để tìm các dấu hiệu của võng mạc đái tháo đường | | | |
| | - Có độ chính xác sàng lọc $\geq 90\%$ | | | |
| | - Tương thích với máy chụp ảnh đáy mắt của các hãng: Topcon, Canon, Crystalvue, Nikon, Nidek, Kowa... | | | |
| | - Phần mềm được cài đặt trên máy tính | | | |
| | - Có thể tích hợp với hệ thống thông tin bệnh viện (HIS) và hệ thống liên lạc và lưu trữ hình ảnh (PACS) | | | |
| | - Phần mềm sẽ kiểm tra chất lượng ảnh chụp đạt hay lỗi để đưa ra các cảnh báo: | | | |
| | + Đục thủy tinh thể | | | |
| | + Đồng tử nhỏ | | | |
| | + Ảnh bị mờ | | | |
| | + Hoàng điểm bị che | | | |
| | - Có thể phát hiện các tổn thương: xuất huyết (HEL), xuất tiết cứng (HE), xuất tiết mềm (SE), vi phình mạch (MA)... | | | |
| | - Hạn dùng: ≥ 24 tháng | | | |
| | c) Máy tính | | | |

| TT | Danh mục, yêu cầu kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----------|---|--------------------|-----------------|----------------|
| | - Bộ xử lý: Core i5 thế hệ 12 hoặc tốt hơn | | | |
| | - Bộ nhớ: RAM \geq 8GB, SSD \geq 512 GB | | | |
| | - Kích thước màn hình: \geq 23.8 inch | | | |
| | d) Máy in màu | | | |
| | - Tốc độ in đen trắng: \geq 33 trang/ phút | | | |
| | - Tốc độ in màu: \geq 15 trang/ phút | | | |
| | - Độ phân giải tối đa: 5760 x 1440 dpi hoặc tốt hơn | | | |
| II | Kính hiển vi phẫu thuật mắt | Máy | 01 | |
| | 1. Thông tin chung | | | |
| | - Năm sản xuất: từ năm 2024 trở về sau | | | |
| | - Chất lượng thiết bị: Mới 100% | | | |
| | - Nhà sản xuất phải đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485 | | | |
| | - Điện nguồn sử dụng: tương thích nguồn điện sử dụng tại Việt Nam | | | |
| | - Điều kiện làm việc: + Nhiệt độ tối đa có thể hoạt động: \geq 30°C + Độ ẩm tối đa có thể hoạt động: \geq 80% | | | |
| | - Thời gian bảo hành: \geq 12 tháng | | | |
| | 2. Cấu hình cung cấp | | | |
| | - Máy chính: 01 cái | | | |
| | - Bộ dịch chuyển X-Y: 01 bộ | | | |
| | - Hệ thống quang học 2 mắt: 01 bộ | | | |
| | - Vật kính: 01 cái | | | |
| | - Bàn đạp điều khiển các chức năng của kính: 01 chiếc | | | |
| | - Dây cáp nguồn: 01 dây | | | |
| | - Chân đế đẩy sàn: 01 cái | | | |
| | - Bộ camera kỹ thuật số: 01 bộ. Gồm: | | | |
| | + Máy chính: 01 cái | | | |
| | + Cáp HD-SDI kết nối với BNC (10m): 01 dây | | | |
| | + Cáp nguồn DIS: 01 dây | | | |
| | + Cáp DC: 01 dây | | | |
| | + Bộ chuyển đổi AC 12V: 01 bộ | | | |
| | - Kính phụ: 01 bộ | | | |
| | - Màn hình LCD: 01 cái | | | |
| | - Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ | | | |

| TT | Danh mục, yêu cầu kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|----|--|-------------|----------|---------|
| | 3. Cấu hình kỹ thuật | | | |
| | a) Máy chính: | | | |
| | - Ống kính quan sát 2 mắt có độ phóng đại tối thiểu: $\geq 10x$; tiêu cự (f) tối thiểu: 170mm | | | |
| | - Ống kính 2 mắt có thể nghiêng lên, xuống: 90 độ. | | | |
| | - Vật kính có tiêu cự (f): $\geq 200\text{mm}$ | | | |
| | - Tổng mức phóng đại: liên tục từ $\leq 4,5x$ đến $\geq 20,0x$ | | | |
| | - Đường kính trường quan sát tương ứng với mức phóng đại: liên tục từ $\geq 49,0\text{mm}$ đến $\leq 9,0\text{mm}$ ($\pm 10\%$) | | | |
| | - Khoảng chỉnh độ nét: $\geq 30,0\text{mm}$ | | | |
| | - Khoảng dịch chuyển từ trái sang phải, từ trước ra sau theo mặt phẳng ngang: (tính từ tâm) $\pm 25,0\text{mm}$ mỗi hướng | | | |
| | - Hệ thống chiếu sáng trực tiếp bằng nguồn sáng LED kết hợp với nguồn sáng Red reflex | | | |
| | - Có ≥ 9 mức cường độ chiếu sáng, vùng chiếu sáng có đường kính: $\geq 60,0\text{mm}$ | | | |
| | - Có các loại kính lọc: hấp thụ nhiệt, ánh sáng xanh, ánh sáng xanh nâng cao, bảo vệ võng mạc | | | |
| | - Hệ thống chân đế kiểu đứng, cánh tay nâng có độ dài: $\geq 1000\text{mm}$, khoảng cách nâng theo trục đứng: $\geq 400\text{mm}$, có khóa hãm bánh xe | | | |
| | b) Camera kỹ thuật số | | | |
| | - Cảm biến quang học: CMOS hoặc tương đương | | | |
| | - Độ phân giải Pixel: khoảng 1920 (H) x 1080 (V) | | | |
| | - Kích thước pixel tối thiểu: 2,75 μm x 2,75 μm | | | |
| | - Độ sâu màu: ≥ 10 bit | | | |
| | - Độ phân giải ngang: ≥ 1000 dòng TV trở lên | | | |
| | - Tín hiệu đầu ra HD-SDI, Đầu ra video tổng hợp (PAL/NTSC) | | | |
| | - Tỷ lệ S/N: 50dB trở lên | | | |
| | - Tốc độ khung hình: ≥ 30 khung hình/giây (1080P) | | | |
| | - Độ nhạy F1.2 ở 50 lux | | | |
| | - Yêu cầu điện: DC12V | | | |
| | c) Kính phụ | | | |
| | - Đặt ở góc $\geq 26^\circ$ so với kính hiển vi chính | | | |
| | - Chức năng lấy nét, tách biệt với kính hiển vi chính, cho phép điều chỉnh tiêu cự độc lập | | | |

| TT | Danh mục, yêu cầu kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|------------|--|--------------------|-----------------|----------------|
| | - Di chuyển ≥ 180 độ | | | |
| | - Tổng độ phóng đại: $\geq 7.8x$ | | | |
| | - Trường nhìn (đường kính): $\geq 25.6\text{mm}$ | | | |
| | d) Màn hình LCD | | | |
| | - Kích thước màn hình: ≥ 31.5 inch | | | |
| | - Độ phân giải: Full HD (1920x1080) hoặc tốt hơn | | | |
| III | Máy chụp cắt lớp võng mạc OCT | Máy | 01 | |
| | 1. Thông tin chung | | | |
| | - Năm sản xuất: từ năm 2024 trở về sau | | | |
| | - Chất lượng thiết bị: Mới 100% | | | |
| | - Nhà sản xuất phải đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485 | | | |
| | - Điện nguồn sử dụng: tương thích nguồn điện sử dụng tại Việt Nam | | | |
| | - Điều kiện làm việc: + Nhiệt độ tối đa có thể hoạt động: $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa có thể hoạt động: $\geq 70\%$ | | | |
| | - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng | | | |
| | 2. Cấu hình cung cấp | | | |
| | - Thân máy chính: 01 máy; | | | |
| | - Chức năng chụp cắt lớp hoàng điểm và gai thị tích hợp: 01 bộ; | | | |
| | - Bộ thấu kính chụp cắt lớp giác mạc và tiền phòng: 01 bộ; | | | |
| | - Phần mềm phân tích: 01 bộ; | | | |
| | - Hệ thống máy tính tích hợp màn hình điều khiển: 01 bộ; | | | |
| | - Bàn đặt máy: 01 cái; | | | |
| | - Đèn định thị bên ngoài: 01 cái; | | | |
| | - Máy in laser màu: 01 cái; | | | |
| | - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ. | | | |
| | 3. Cấu hình kỹ thuật | | | |
| | 3.1. Chức năng tối thiểu bao gồm | | | |
| | - Chụp cắt lớp giác mạc và tiền phòng: | | | |
| | + Chụp bản đồ độ dày lớp biểu mô và bản đồ độ dày giác mạc | | | |
| | + Chụp hình ảnh giác mạc với độ phân giải cao | | | |
| | + Chụp góc tiền phòng và có các công cụ đo các | | | |

| TT | Danh mục, yêu cầu kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----------|---|--------------------|-----------------|----------------|
| | chỉ số trong chẩn đoán bệnh glôcôm | | | |
| | + Chụp tiền phòng và đo lường kích thước trong đặt IOL Phakic | | | |
| | + Chụp từ góc đến góc | | | |
| | + Chụp bán phần trước dạng khối | | | |
| | + Chụp bán phần trước bằng 5 đường quét | | | |
| | - Chức năng chụp cắt lớp hoàng điểm và gai thị: | | | |
| | + Chụp được hoàng điểm, gai thị dạng khối | | | |
| | + Chụp cắt lớp võng mạc chiều dài từ $\leq 3\text{mm}$ đến $\geq 12\text{mm}$ | | | |
| | + Có tối thiểu các chế độ chụp: 1 đường, 5 đường, 21 đường, chữ thập, xuyên tâm | | | |
| | - Có thể nâng cấp chức năng chụp mạch máu vùng hoàng điểm và gai thị (OCTA) | | | |
| | 3.2. Chức năng phần mềm phân tích đáp ứng | | | |
| | - Cơ sở dữ liệu chuẩn tối thiểu: dữ liệu người châu Á và đa chủng tộc | | | |
| | - Phân tích độ dày hoàng điểm và so sánh với dữ liệu chuẩn | | | |
| | - Phân tích sự thay đổi hoàng điểm | | | |
| | - Phân tích lớp biểu mô sắc tố nâng cao | | | |
| | - Phân tích hình ảnh khối 3D võng mạc | | | |
| | - Phân tích được từng lớp của võng mạc | | | |
| | - Phân tích được tiến triển bệnh tăng nhãn áp | | | |
| | - Phân tích độ dày lớp tế bào hạch và so sánh với dữ liệu chuẩn | | | |
| | - Phân tích độ dày lớp sợi thần kinh và so sánh với dữ liệu chuẩn | | | |
| | - Phân tích độ dày lớp sợi thần kinh phía trên, phía dưới và trung bình | | | |
| | - Phân tích gai thị và so sánh với dữ liệu chuẩn | | | |
| | - Tỷ lệ cup/dis | | | |
| | 3.3. Thông số kỹ thuật chụp cắt lớp | | | |
| | - Công nghệ: cắt lớp trên miền quang phổ SD OCT hoặc tương đương | | | |
| | - Độ phân giải theo trục dọc của lát cắt tối thiểu: $\leq 5\mu\text{m}$ | | | |
| | - Độ phân giải theo trục ngang của lát cắt tối thiểu: $\leq 15\mu\text{m}$ | | | |

| TT | Danh mục, yêu cầu kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----------|--|--------------------|-----------------|----------------|
| | - Tốc độ quét tối thiểu: ≥ 100.000 mẫu quét (A scan)/1 giây | | | |
| | - Tốc độ chụp cắt lớp: $\leq 0,4s$ | | | |
| | - Độ sâu lát cắt: $\geq 2,9mm$ | | | |
| | - Đường kính đồng tử tối thiểu chụp được: $\leq 2.0mm$ | | | |
| | - Phạm vi bù trừ khúc xạ trong khoảng: $\leq -20D$ đến $\geq +20D$ | | | |
| | 3.4. Thông số chụp ảnh đáy mắt | | | |
| | - Công nghệ quét dòng hoặc tương đương | | | |
| | - Trường quan sát: $\geq 30^\circ \times 30^\circ$ | | | |
| | 3.5. Thông số kỹ thuật hệ thống máy tính | | | |
| | - Bộ xử lý: tối thiểu Core i7 | | | |
| | - Bộ nhớ trong: $\geq 2TB$ | | | |
| | - Windows: Windows 10 trở lên, có bản quyền | | | |
| | - Màn hình: $\geq 22''$ | | | |
| | - Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ | | | |
| | 3.6. Máy in | | | |
| | - Máy in màu, sử dụng công nghệ in Laser | | | |
| IV | Siêu âm mắt (siêu âm A-B) | Bộ | 01 | |
| | 1. Thông tin chung | | | |
| | - Năm sản xuất: từ năm 2024 trở về sau | | | |
| | - Chất lượng thiết bị: Mới 100% | | | |
| | - Nhà sản xuất phải đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485 | | | |
| | - Điện nguồn sử dụng: tương thích nguồn điện sử dụng tại Việt Nam | | | |
| | - Điều kiện làm việc: + Nhiệt độ tối đa có thể hoạt động: $\geq 30^\circ C$ + Độ ẩm tối đa có thể hoạt động: $\geq 80\%$ | | | |
| | - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng | | | |
| | 2. Cấu hình cung cấp | | | |
| | - Thân máy chính: 01 chiếc | | | |
| | - Đầu dò siêu âm B: 01 cái | | | |
| | - Giá đặt đầu dò xoay 180 độ: 01 cái | | | |
| | - Bàn đạp chân điều khiển: 01 cái | | | |
| | - Phần mềm quản lý tích hợp sẵn theo máy: 01 bộ | | | |
| | - Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Tiếng Việt) : 01 bộ | | | |
| | 3. Cấu hình kỹ thuật | | | |

| TT | Danh mục, yêu cầu kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|----|--|-------------|----------|---------|
| | 3.1. Chế độ siêu âm B | | | |
| | - Điều chỉnh độ lợi: từ 20 đến 110 dB | | | |
| | - Độ lợi trước TGC: điều chỉnh từ 0 đến 30 dB | | | |
| | - Dãy đo động lực: điều chỉnh từ 25 đến 90 dB | | | |
| | - Lưu trữ hình ảnh: không giới hạn | | | |
| | Thông số kỹ thuật đầu dò siêu âm B: | | | |
| | - Tần số: ≥ 15 MHz | | | |
| | - Góc dò: $\geq 50^\circ$ | | | |
| | - Độ sâu dò: ≥ 60 mm | | | |
| | - Tiêu cự: 24 mm | | | |
| | - Độ phân giải trục: 115 μ m | | | |
| | - Độ phân giải nghiêng: 400 μ m | | | |
| | Các công thức tính công suất thủy tinh thể nhân tạo: | | | |
| | - Có ít nhất 6 công thức: SRK-II, SRK-T, Holladay, Hoffer-Q, Binkhorst-II, Haigis | | | |
| | - Có ít nhất 6 công thức tính IOL sau phẫu thuật khúc xạ: Double K/SRK-T, History Derived, refraction derived, contact lens, SHAMMAS regression và ROSA regression | | | |
| | - Các giá trị trong độ lớn 0.25D hoặc 0.50D | | | |
| | 3.2. Các yêu cầu khác | | | |
| | - Loại màn hình: chạm phím hoặc tương đương | | | |
| | - Màn hình màu LCD có đèn nền | | | |
| | - Có cổng kết nối: USB, ethernet | | | |
| | - Có bàn phím có cổng nối USB hoặc Bluetooth | | | |
| | - Có chuột có cổng nối USB | | | |
| | - Có cổng kết nối tương thích bệnh án điện tử | | | |
| | - Có thể in báo cáo bằng máy in ngoài | | | |
| | Tổng cộng : 04 thiết bị. | | | |

PHỤ LỤC 2. MẪU BÁO GIÁ*(Kèm theo Công văn số 672 /BVM-KDVT ngày 09 /12/2024 của Bệnh viện Mắt Nghệ An)***CÔNG TY**

Địa chỉ:

Số điện thoại:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO GIÁ****Kính gửi: BỆNH VIỆN MẮT NGHỆ AN**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Mắt Nghệ An tại Công văn số 672 /BVM-KDVT ngày 09 /12/2024, Công ty báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá hàng hóa:

| Thông tin mời báo giá | | | | Thông tin báo giá | | | | | | |
|------------------------------|--------------|-----|----------|-------------------|-------|-------------------|-----|----------|---------|-------------------|
| TT | Tên hàng hóa | ĐVT | Số lượng | Tên thương mại | Model | Hãng SX - Nước SX | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền (đồng) |
| 1 | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | |
| Tổng: thiết bị. | | | | | | | | | | |

Chi tiết đáp ứng Yêu cầu kỹ thuật tại Bảng đáp ứng kèm theo.

(Công ty gửi kèm các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)

2. Giá trên đã bao gồm tất cả các chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản liên quan và các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật.

3. Báo giá có hiệu lực 03 tháng kể từ ngày ký.

4. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Mắt Nghệ An - xóm 10, xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản: theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất.

5. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng;

6. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày ... tháng ... năm 2024

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ BÁO GIÁ